KẾ HOẠCH TUẦN 3

Chủ đề: Thời tiết

(Tù Ngày 18/05 -22/05/2026)

Giáo viên: Cô Ánh - Cô Chi

	THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
BUỔI SÁNG	6:45 - 7:15	**Đón trẻ/ Trực nhật**				
	7:15 - 7:30	**Thể dục sáng**				
	8:00 - 8:15	**Sinh hoạt vòng tròn đầu ngày/ Điểm Danh** Thiền ôm				
	8:15 - 8:45	**Language & Expression** **How do you feel when it's rainy?** Review weather New words: hot, cold, happy, angry, sad, sleepy, scared	**Song** **Weather** Review weather New words: hot, cold, happy, angry, sad, sleepy, scared	**Phonics** **Short vowel u** u - sun, up, jug, hug	**Logical Thinking** **Position** next to, between	**Review** **Review all the learned content**
	8:45 - 9:00	**Uống sữa hoặc bổ sung trái cây**				
	9:00- 9:30	Dự báo thời tiết	**Dinh Dưỡng** Làm bánh mì kẹp	**Rèn luyện thể chất** Quả Bóng Siêu Tốc	**HĐ với nước** Rèn luyện khả năng tập trung P2	**Tiếng Việt** Chữ cái g,y
	9:30 - 10:00	**Toán - Số học** Bảng công và bảng trừ Montessori	**Toán - Hình học** Ôn tập khối chóp vuông, khối chóp tam giác	**MTXH** Cách đọc bản tin thời tiết	**GDCX** Cây biết ơn	**Kỹ năng sống** Tập kỹ năng sơ cứu khi bị côn trùng đốt
	10:00 -10:30	**Playtime Activity 1** **How do you feel when it's rainy?** Review weather New words: hot, cold, happy,	**Playtime Activity 2** **How do you feel when it's rainy?** Review weather New words: hot, cold, happy,	**Playtime Activity 3** **Short vowel u** u - sun, up, jug, hug	**Playtime Activity 4** **Position** next to, between	**Playtime Activity 5** **Review all the learned content**
	10:45 -11:45	**Vệ sinh chuẩn bị giờ ăn - Ăn trưa - Vệ sinh chuẩn bị giờ ngủ**				
	11:45 -13:45	**Ngủ trưa**				
	13:45 -14:30	**Ăn Xế - Vận động theo nhạc - Vệ sinh cá nhân - Thay quần áo**				
BUỔI CHIỀU	14:30 - 15:00	**Language & Expression** **How do you feel when it's rainy?** Review weather New words: hot, cold, happy, angry, sad, sleepy, scared	**Story** **The Wind and the Sun** Review weather New words: hot, cold, happy, angry, sad, sleepy, scared	**Phonics** **Short vowel u** u - sun, up, jug, hug	**Logical Thinking** **Position** next to, between	**Review** **Show and tell**
	15:00 - 15:30	**Vận động tinh** Cắm hoa	**Hội họa** Vẽ ngày và đêm	**Điêu khắc** Khắc họa tiết mây và sét	**Nặn** Nặn mây và sét	**Toán - Logic** Xếp hình người
	15:30- 16:00	**KPKH** Thí nghiệm xếp chồng quả trứng	**Âm nhạc** If you are happy	**HĐ với nước** Rèn luyện khả năng tập trung	**Võ Nhạc** Ôn tập: Phối hợp đòn đở thượng đẳng với thôi sơn	**Sinh Hoạt cuối tuần**

	16:00- 16:30	Trực nhật/ sắp xếp lớp học/ Sinh hoạt vòng tròn
	16:30 - 17:00	Thủ tục chia tay cuối ngày / Trả trẻ / Học ngoài giờ